TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v "Đòi lại tài sản trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Ngọc Thạch.

2. Bà Nguyễn Thị Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2016/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc "Đòi lại tài sản trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1948, vắng mặt và bà Tạ Thị Thanh Đ, sinh năm 1950, có mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Đường N, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân M: Bà Tạ Thị Thanh Đ, sinh năm 1950, có mặt.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1953, có mặt và bà Trần Mỹ N, sinh năm 1950, có mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1945, vắng mặt.

Địa chỉ: đường Lê Quốc S, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

3.2 Ông Đào Anh T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 110, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

3.3 Ông Lê Quốc H, sinh năm 1956, vắng mặt.

Địa chỉ: Phường Mỹ Phương, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2016, bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2016; biên bản hòa giải các ngày 21 tháng 4 năm 2016, ngày 14 tháng 12 năm 2016, ngày 20 tháng 02 năm 2017; biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An – Vợ chồng ông Nguyễn Xuân M bà Tạ Thị Thanh Đ trình bày: Vào ngày 18 tháng 02 năm 1996 bà Đ có cho vợ chồng ông C bà N vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 10%/tháng. Hai bên thỏa thuận miệng, ông C, bà N trả lãi hàng tháng, còn gốc thì khi nào ông C, bà N có tiền thì trả. Từ khi vay đến nay, ông C, bà N không trả cho bà Đ được khoản gốc, lãi nào. Mặc dù, bà Đ có đến đòi nhiều lần nhưng ông C vẫn không trả. Khi vay có mặt ông C, bà N nhưng chỉ có ông C đại diện ký tên vào biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996. Ông C, bà N nói vay để trả tiền hụi cho bà Vũ Thị N ở khóm 4, thị trấn M, huyện M (nay là thị xã K). Hiện nay, bà N ở đâu thì bà Đ không biết. Bà Đ giao tiền tại nhà ông C, khi đó có mặt bà Đ, ông C, bà N. Ông C có làm giấy biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 và ký tên, bà N chữ yếu nên không ký tên. Ngoài tờ biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 ra thì không còn giấy tờ nào thể hiện ông C, bà N vay của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Năm 1996 thông qua bà Nguyễn Thị Tuyết M sinh năm 1945, địa chỉ hiện nay tại đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An thì bà Đ có mua lô đất với giá 6,5 cây vàng 24 kara của ông C, bà N có diện tích ngang 10 m, dài 30 m, không biết số thửa đất, đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn M, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Trên đất có căn nhà tạm bằng gỗ tràm, hai bên có làm tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 do ông C viết và ký tên. Lý do ông C chuyển nhượng đất cho bà Đ được ghi rõ trong tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 là gia đình nghèo đang gặp khó khăn. Khi chuyển nhượng đất cho bà Đ, ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ được tạm cấp theo bảng đề nghị ngày 07 tháng 9 năm 1987. Bà Đ có yêu cầu trừ số nợ 10.000.000 đồng mà ông C, bà N vay của bà Đ theo biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 nhưng ông C, bà N không đồng ý vì ông C, bà

N nói cần số tiền này để làm ăn nên không đồng ý trừ số nợ 10.000.000 đồng. Bà Đ đã giao cho ông C, bà N 6,5 cây vàng 24 kara tại nhà của ông C, nhưng không làm giấy tờ thể hiện giao nhận vàng. Sau khi nhận 6,5 cây vàng 24 kara xong thì ông C, bà N có nhờ bà Đ đi bán vàng dùm, bà Đ ra tiệm vàng bán được 32.500.000 đồng. Sau đó, bà Đ mang về giao 32.500.000 đồng cho ông C, bà N nhưng không có làm giấy tờ giao tiền. Lúc đó, ngoài sự có mặt của ông C, bà N thì không có ai khác chứng kiến. Sau khi bà Đ giao tiền thì ông C, bà N giao cho bà Đ giữ các loại giấy tờ sau: Bảng đề nghị về việc tạm cấp đất cho cán bộ - công nhân viên trong nội ô thị trấn ngày 07 tháng 9 năm 1996 (bản chính), đơn xin đất cất nhà ngày 25 tháng 8 năm 1987 (bản chính), chứng minh nhân dân của ông C và bà N (bản phô tô), sổ hộ khẩu gia đình của ông C (bản phô tô). Trong tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, có nội dung "hai bên thỏa thuận đồng ý phần thuế sử dụng đất và các khoản thuế khác do nhà nước quy định, bà Đ có trách nhiệm đóng cho nhà nước". Sau đó bà Đ và ông C đi đến trụ sở khóm 4 để xin xác nhận, người xác nhận là ông Lê Quốc H - trưởng khóm 4 lúc bấy giờ. Vì ông C ở nhà tạm nên bà Đ không yêu cầu lấy đất, hai bên có nói miệng khi nào ông C, bà N xây được nhà mới thì trả lại đất cho bà Đ. Do ông C, bà N không trả 10.000.000 đồng cho bà Đ nên hai bên thỏa thuận là ông C, bà N giao hầm cá phía sau lô đất mà bà Đ mua của ông C, bà N để trừ số nợ 10.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 tại nhà ông C do bà Đ viết nội dung. Chồng bà Đ là ông Nguyễn Xuân M và ông Trần Văn C ký tên đại diện vào giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996. Từ khi làm giấy cam kết này, bà Đ không quản lý sử dụng hầm cá, hiện nay hầm cá đã mọc cỏ dại um tùm. Hiện tại ông C, bà N đang quản lý sử dụng, có trồng cây, không có xây dựng công trình kiến trúc trên đất. Đến đầu năm 2002, ông C đã cất nhà cấp 4 trên phần đất kế bên phần đất bán cho bà Đ nên ngày 11 tháng 12 năm 2002, bà Đ đến trung tâm dịch vụ nhà đất huyện M cũ xin đăng ký đo đạc để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ. Cùng ngày 11 tháng 12 năm 2002, trung tâm dịch vụ nhà đất huyện M cũ có ký hợp đồng đo đạc và tiến hành đo đạc phần đất trên. Tuy nhiên, khi trung tâm dịch vụ nhà đất huyện M cũ (trong đó có ông Đào Anh T) cùng bà Đ đến phần đất trên để đo đạc thì bị gia đình ông C gồm có con gái, con trai, con rể chửi bới, hăm dọa không cho đo đạc, nếu ai đo đạc sẽ chém chết. Do đó, trung tâm dịch vụ nhà đất huyện M cũ không thể đo đạc được nên ra về. Kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2002, bà Đ nhiều lần có nhờ bà Nguyễn Thị Tuyết M ở gần nhà ông C và bản thân bà Đ đến thương lượng với ông C nhưng mỗi lần bà Đ đến thì đều bị gia đình ông C xua đuổi, chửi mắng nên không có thương lượng được gì. Việc mua bán có giấy tờ nên bà Đ nghĩ trước sau gì cũng của bà Đ nên bà Đ không khởi kiện ông C, bà N ra Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Vào đầu tháng 8 năm 2015, không nhớ ngày, địa chính phường 1, thị xã K vào nhà bà Đ xác minh phần đất trên, hầm cá thì bà Đ đem tất cả giấy tờ ra cho địa chính phường 1 xem. Sau khi xem xong, địa chính phường 1 về báo cáo lại sự việc cho Ủy ban nhân dân phường 1. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã K không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C nên ông C có khiếu nại sự việc này. Qua tìm hiểu bà Đ được biết phần đất trên, hầm cá là thửa đất số 153, thuộc tờ bản đồ số 1-8, tọa

lạc tại đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An nên bà Đ làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Hiện tại bà Đ còn giữ các giấy tờ đất bản gốc của ông C. Nay bà Đ yêu cầu ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông M bà Đ số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18 tháng 02 năm 1996 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu trả 65 chỉ vàng 24 kara vì theo tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 khi bà Đ mua đất thì trả bằng vàng 24 kara.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2016, bản tự khai bổ sung ngày 19 thán 9 năm 2017 và biên bản hòa giải các ngày 21 tháng 4 năm 2016, ngày 14 tháng 12 năm 2016, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An - Ông Trần Văn C trình bày: Bà Tạ Thị Thanh Đ sinh năm 1950, hiện cư ngụ đường N, khu phố 3, phường 1, thị xã K là hàng xóm của ông C. Vào năm 1996, ông C không chơi hụi như bà Đ trình bày. Ông C và bà N không vay số tiền 10.000.000 đồng như bà Đ trình bày. Tờ biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 là do ông C viết nội dung và ký tên, nhưng khi đó ông C không được tỉnh táo do ông C bị thần kinh tọa, không minh mẫn, bị lãng trí nên ông C viết nhưng không biết là viết để làm gì, cho ai. Thời gian lâu nên ông C không còn giữ giấy tờ thể hiện việc ông C bị bệnh, cũng thời điểm này ông C không có giấy tờ gì thể hiện bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hay mất năng lực hành vi dân sự. Trong tờ biên nhận có ghi "Tôi là Trần Văn C có vay mượn chị M (số tiền 10.000.000đ mười triệu đồng lãi suất 10%/tháng, tôi sau này sẽ hoàn trả cho chị M nếu sai xin hoàng toàn chịu trách nhiệm", ông C khẳng định chị M không phải là bà Tạ Thị Thanh Đ trong vụ án này. Chị M là ai thì ông C không rõ vì ông C bị bệnh. Khoảng năm 1996, bà Đ có ý định mua một phần đất không có nhà có diện tích ngang 10 m, dài 30 m do ông C đứng tên. Ông C không biết thửa số mấy, đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn M, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Bà Đ kêu ông C lại nhà bà Đ và ông C có đến nhà bà Đ viết giấy tay "tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996" theo ý của bà Đ. Trên đất có căn nhà tạm bằng cây tràm. Khi đó ông C bị bệnh thần kinh tọa, giá mua bán là 6,5 cây vàng 24 kara, không có bà N đi theo. Bà Đ nói để bà Đ lo giấy tờ, khi nào ra Ủy ban nhân dân thị trấn M làm giấy tờ mua bán sang nhượng phần đất giữa ông C với bà Đ cho bà Đ đứng tên hợp pháp thì bà Đ sẽ đưa cho ông C 6,5 cây vàng 24 kara. Ông C không giao giấy tờ đất bản gốc cho bà Đ giữ. Ông C có đưa cho bà Đ giữ giấy tay bản chính "tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996" do ông C viết để bà Đ đi làm giấy tờ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông C và bà Đ không có đi ra Ủy ban nhân dân thị trấn M làm giấy tờ sang nhượng đất ở. Ông C không có nhận của bà Đ và chồng là ông M 6,5 cây vàng 24 kara. Việc mặt sau của "tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996" có xác nhận của ông Lê Quốc H là trưởng khóm 4, Ủy ban nhân dân thị trấn M với nội dung "Vào lúc 8 giờ, ngày 10/7/96, ông Trần Văn C và bà Tạ Thị Thanh Đ cùng ngụ khóm 4 có đến trụ sở khóm 4 làm tờ hợp đồng sang nhượng đất thổ cư nội dung như trong đơn đã ghi" là sai sự thật vì ông C không ra trụ sở khóm 4 nhờ ông Lê Quốc H xác nhận. Bà Đ nói khi nào ra Ủy ban nhân dân thị trấn M làm giấy tờ sang nhượng đất hợp pháp thì bà Đ sẽ giao cho ông C 6,5 cây vàng 24

kara. Trong thời gian đó, bà Đ không kêu ông C đến Ủy ban nhân dân thị trấn M để làm giấy tờ chuyển nhượng đất nên ông C và bà Đ không ra Ủy ban nhân dân thị trấn M làm thủ tục như đã thỏa thuận. Từ khi làm tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 đến nay, đất do ông C quản lý sử dụng. Ông C chăn nuôi, trồng cây mía, cất 01 cái chòi để ngủ giữ cá. Ông C không nhận 6,5 cây vàng 24 kara hay là 32.500.000 đồng như bà Đ trình bày. Đối với giấy cam kết ghi ngày 01 tháng 10 năm 1996, với nội dung "bên A là Trần Văn C và Nguyễn Mỹ N (nhưng vợ ông C là Trần Mỹ N); bên B là Nguyễn Xuân M và Tạ Thanh Đ (nhưng đơn khởi kiện là bà Tạ Thị Thanh Đ); thống nhất như sau bên mua đất bên A sẽ đồng ý giao trọn vẹn phía sau hậu (hầm cá) cho bên B không một lý do nào thắc mắc, đòi hỏi gì sau khi hợp thức hóa, pháp lý công nhận bên B toàn quyền kê khai sử dụng trọn vẹn phía hậu (hầm cá)" … nhưng bên A chỉ có ông Trần Văn C ký xác nhận, bên B chỉ có ông Nguyễn Xuân M ký xác nhận" thì ông C xác nhận là không có chuyển nhượng "hầm cá" nào hết, chuyển nhượng bao nhiêu tiền, cũng như không biết "hầm cá" trong giấy cam kết này là "hầm cá" nào, cụ thể vị trí ở đâu. Ông C không có giao cho bà Đ giữ các giấy tờ như bà Đ trình bày vì vào năm 2000 nước lũ rất lớn, nhà ông C bị nước ngập tới nốc, nên bị nước lũ cuốn trôi mất hết giấy tờ trên. Tôi không biết vì sao bà Đ có được các giấy tờ trên. Do đó, ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ là không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18 tháng 02 năm 1996 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, không đồng ý trả 65 chỉ vàng 24 kara. Từ đó, ông C đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2016 và các biên bản hòa hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An – Bà Trần Mỹ N trình bày: Đối với tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 có tên chồng bà N là Trần Văn C ký tên, do bà Đ và chồng bà Đ là ông M nộp cho Tòa án thì bà N không biết. Bà N không có nhận của bà Đ và chồng bà Đ là ông M 6,5 cây vàng 24 kara như đơn khởi kiện nói. Đối với tờ biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 với nội dung "Tôi là Trần Văn C có vay mượn chị M (số tiền 10.000.000đ, mười triệu đồng) lãi suất 10%/tháng = Tôi sau này sẽ hoàn trả cho chị M nếu sai xin hoàng toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật" thì bà N không biết. Bà N không có nhận của bà Đ và chồng bà Đ là ông M 10.000.000 đồng như đơn khởi kiện nêu. Đối với giấy cam kết ghi ngày 01 tháng 10 năm 1996 với nội dung "bên A là Trần Văn C và Nguyễn Mỹ N (nhưng vợ ông C là Trần Mỹ N); bên B là Nguyễn Xuân M và Tạ Thanh Đ (nhưng đơn khởi kiện là bà Tạ Thị Thanh Đ); thống nhất như sau bên mua đất bên A sẽ đồng ý giao trọn vẹn phía sau hậu (hầm cá) cho bên B không một lý do nào thắc mắc, đòi hỏi gì sau khi hợp thức hóa, pháp lý công nhận bên B toàn quyền kê khai sử dụng trọn vẹn phía hậu (hầm cá)" … nhưng bên A chỉ có ông Trần Văn C ký xác nhận, bên B chỉ có ông Nguyễn Xuân M ký xác nhận" thì bà N xác nhận là hoàn toàn không biết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 08 tháng 8 năm 2017 – Ông Đào Anh T khai: Ông T không biết bà Tạ Thị Thanh Đ, ông Trần Văn C là ai. Vào ngày 01 tháng 10 năm 2002, ông T làm nhân viên hợp đồng tại

phòng Nông Nghiệp và Địa chính huyện M cũ nay là phòng Tài Nguyên và Môi Trường thị xã K chứ không có làm việc tại Chi nhánh dịch vụ nhà đất huyện M cũ. Do đó, ông T không có đi đo đạc phần đất tranh chấp giữa bà Tạ Thị Thanh Đ với ông Trần Văn C trong vụ án này. Theo ông T được biết Chi nhánh dịch vụ nhà đất huyện M cũ lúc đó gồm có ông Đặng Hoài V làm giám đốc, không có phó giám đốc và 03 nhân viên tên ông Phạm Văn K, ông La Văn H, bà Trương Mỹ P. Theo ông T được biết lúc đó chỉ có Chi nhánh dịch vụ nhà đất huyện M cũ đo đạc đất cho cá nhân chuyển nhượng, chuyển đổi ... cho nhau, còn phòng Nông Nghiệp và Địa chính huyện M cũ chỉ đo đạc đất của tổ chức như đo phân lô cụm tuyến dân cư, đất cơ quan, hoặc đất quy hoạch của địa phương. Theo ông T được biết, hiện nay ông Đặng Hoài V đang làm nhân viên đo đạc của Trung tâm dịch vụ nhà đất tỉnh Long An, ông Phạm Văn Kh đang làm phó phòng Tư pháp thị xã K, ông La Văn H đang làm phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K, bà Trương Mỹ P đang làm kế toán tại phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã K. Sau này Tòa án triệu tập ông T thì ông T đề nghị cho ông T được vắng mặt vì ông T đi làm ở huyện M. Ông T xác định lời khai trên của ông T là hoàn toàn đúng sự thật. Ông T xác định không thay đổi lời khai trên và không khai gì bổ sung.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 22 tháng 8 năm 2017 – Bà Nguyễn Thị Tuyết M khai: Bà M không đồng ý cung cấp ý kiến cho Tòa án vì sức khỏe đã yếu, sự việc diễn ra đã lâu nên bà M không nhớ bà M có giới thiệu cho bà Đ mua đất của ông C hay không. Bà M không đến Tòa án được và bà M không đồng ý ký tên vào biên bản.

Tại giấy xác nhận chữ ký ngày 08 tháng 9 năm 2017 – Ông Lê Quốc H trình bày: Ông H xác nhận vào ngày 10 tháng 7 năm 1996, lúc này ông H đang giữ chức trưởng khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An. Ông H có xác nhận tờ hợp đồng sang đất ở với nội dung như sau "Xác nhận vào lúc 08 giờ ngày 10/7/1996 ông Trần Văn C và bà Tạ Thị Thanh Đ cùng ngụ khóm 4 có đến trụ sở khóm làm tờ hợp đồng sang nhượng đất thổ cư nội dung như trong đơn đã ghi. K/c UBND thị trấn M, K4 ngày 10 – 07 – 1996". Nay ông H xin xác nhận và cam đoan giấy xác nhận vào thời điểm đó đúng là chữ viết và chữ ký của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu: Ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông M bà Đ hai khoản nợ, cụ thể như sau: Khoản nợ thứ nhất: 65 chỉ vàng 24 kara theo tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996. Khoản nợ thứ hai: Tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18 tháng 02 năm 1996 đến ngày 26 tháng 9 năm 2017 với mức lãi suất là 0,75 %/tháng là 10.000.000 đồng x 0,75 %/tháng x 21 năm 07 tháng 08 ngày (7.883 ngày) =

19.707.500 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 29.707.500 đồng. Bà Đ khẳng định việc ông C vay tiền của bà Đ, việc ông C và N bán đất cho vợ chồng ông M bà Đ là hoàn toàn sự thật. Bởi vì theo bà Đ được biết từ trước đến nay, ông C và bà N chỉ có một thửa đất số 153 và một hầm cá nằm liền kề phía sau thửa đất số 153 thôi, ngoài ra không có thửa đất nào khác. Việc ông C và bà N cho rằng bà Đ lượm, nhặt được các giấy tờ của ông C, bà N do bị nước lũ cuốn trôi vào năm 2000 là vô lý. Bởi vì nếu như giấy tờ bị rớt xuống sông nước thì sẽ bị ướt, hư hỏng, mục nát, đằng này các giấy tờ vay mượn, mua bán, cấp giấy đất liên quan đến thửa đất số 153 của ông C đều do bà Đ giữ vẫn còn nguyên vẹn. Đối với tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 thì bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông M bà Đ.

Tại phiên tòa, ông C trình bày: ông C thừa nhận ông C và bà N có trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 153 và một hầm cá nằm nối liền phía sau thửa đất số 153, đất tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn M, huyện M (nay là đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K), tỉnh Long An từ năm 1987 đến nay nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, từ trước đến nay ông C và bà N không có thửa đất nào khác nữa. Đồng thời, ông C cung cấp thêm 05 bản chính biên nhận do ông C tự tay viết để vay nợ của anh 8 H, chị 2 B, chị L, chị M, anh T để chứng minh cho sự việc ngoài viết biên nhận có tên chị M ra thì ông C còn viết nhiều biên nhận khác cho nhiều người khác. Bởi vì, vào năm 1996 ông C bị bệnh thần kinh tọa khi nhớ khi quên, nên không biết viết cho ai, viết để làm gì. Ông C cũng không biết anh 8 H, chị 2 B, chị L, chị M, anh T là ai. Ông C cho rằng vào năm 2000 nước lũ rất lớn, nhà ông C bị ngập tới nốc nhưng chỉ bị nước lũ cuốn trôi bị mất hết giấy tờ liên quan đến thửa đất số 153 được bỏ trong bọc mủ cột bằng dây thun, còn lại một số giấy tờ là các biên nhận do ông C tự viết để trong cái rương bằng gỗ thì không bị mất. Ông C không biết vì sao bà Đ có được các giấy tờ trên. Ông C có tự tay viết tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 và giao bản chính cho bà Đ giữ. Ông C hoàn toàn không có giao các giấy tờ liên quan đến thửa đất số 153 của ông C cho bà Đ giữ vì nếu ông C có giao cho bà Đ giữ thì bà Đ phải viết biên nhận có nhận giấy tờ của ông C và phải giao biên nhận này cho ông C giữ mới đúng. Ông C khẳng định do tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 chưa có xác nhận của chính quyền địa phương nên ông C, bà N hoàn toàn không có vay 10.000.000 đồng, nhận 6,5 cây vàng 24 kara của vợ chồng ông M bà Đ như vợ chồng ông M bà Đ khởi kiện. Ông C xác định từ trước đến nay, không có cơ quan nào thông báo hay đến thu thuế đất hàng năm đối với thửa đất số 153 nên ông C không có đóng thuế đất theo quy định pháp luật. Do đó, ông C đề nghị bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ về việc yêu cầu ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả 65 chỉ vàng 24 kara, số tiền vay tổng cộng gốc, lãi là 29.707.500 đồng.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Thửa đất số 153 là của vợ chồng ông C bà N quản lý, sử dụng hơn 20 năm nay, không có ai tranh chấp; vợ chồng ông C bà N từ trước đến nay sinh sống tại địa phương có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm

trú, tạm vắng, không rời địa phương đi đâu thời gian nào. Bà N khẳng định không có sự việc bà Đ kêu cơ quan nào đến đo thửa đất số 153 vào năm 2002. Từ trước đến nay, vợ chồng ông M bà Đ không có tiếp cận để cho bà N biết về giao dịch mua bán đất giữa ông C với bà Đ theo tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996. Bà N cũng không biết lý do tại sao bà Đ lại là người đóng thuế đất hàng năm đối với thửa đất số 153. Bà N có đóng thuế đất hàng năm đối với thửa đất số 153 nhưng hiện nay không còn giữ giấy tờ gì. Bà N cũng không nhớ bà N đã đóng thuế đất hàng năm đối với thửa đất số 153 từ năm nào đến năm nào.

Tại phiên tòa, những người làm chứng là ông T, bà M, ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn Nhựt - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ là hủy tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996; buộc ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông M bà Đ 65 chỉ vàng 24 kara và số tiền 10.000.000 đồng; đề nghị bác một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ đối với phần lãi suất của số tiền 10.000.000 đồng là 19.707.500 đồng vì tại phiên tòa bà Đ thừa nhận ông C viết giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 nhằm giao hầm cá cho bà Đ để trừ số tiền vay 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996; do đó đến nay vợ chồng ông M bà Đ yêu cầu ông C, bà N phải trả lãi suất đối với số tiền 10.000.000 đồng là không hợp lý. Ông C và bà N là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông C và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông C và bà N có địa chỉ tại đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 giữa bà Đ với ông C, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 giữa ông M với ông C: Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, ông C thừa nhận viết, ký tên trong tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 và chữ ký, chữ viết "C, Trần Văn C" trong giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 là của ông C. Việc ông C chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông M bà Đ theo tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 nhưng ông C vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng, không có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật. Trước đó, Tòa án nhân dân thị xã K đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2016/QDDS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa vợ chồng ông M bà Đ với ông C, bà N với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết. Từ đó đến nay, không có ai kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2016/QDDS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2016. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét hủy bỏ đối với tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 giữa bà Đ với ông C, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 giữa ông M với ông C là phù hợp với quy định tại các Điều 121, 122, 127, 134 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ yêu cầu ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng M bà Đ 65 chỉ vàng 24 kara và số tiền gốc, lãi tổng cộng 29.707.500 đồng: Tại phiên tòa ông C và bà N thừa nhận ông C và bà N có trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 153 và một hầm cá nằm nối liền phía sau thửa đất số 153, đất tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn M, huyện M (nay là đường L, khu phố 3, phường 1, thị xã K), tỉnh Long An từ năm 1987 đến nay nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, từ trước đến nay ông C và bà N không có thửa đất nào khác nữa. Ông C thừa nhận tự tay viết, ký vào tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 rồi giao bản chính cho bà Đ giữ để làm thủ tục sang nhượng đất tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M; ông C thừa nhận tự tay viết, ký vào biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996, ký tên và ghi rõ họ tên vào tờ cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 nhưng ông C cho rằng ông C không biết viết cho ai, viết để làm gì. Do đó, căn cứ vào biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996, tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 thì đủ cơ sở xác định có sự kiện mua bán đất, vay mượn tiền giữa vợ chồng ông M bà Đ với ông C, bà N là có thật. Việc mua bán đất giữa vợ chồng ông M bà Đ

với ông C, bà N là có thật còn được thể hiện theo công văn số 293/CV-CCT ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thuế thị xã K xác định bà Đ là người đóng thuế hàng năm, từ năm 2004 đến năm 2011 đối với thửa đất số 153 mà ông C đang làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Đ đóng thuế đất hàng năm đối với thửa đất số 153 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với tờ hợp đồng sang đất ở do ông C tự tay viết có nội dung "hai bên thỏa thuận đồng ý phần thuế sử dụng đất và các khoản thuế khác do nhà nước quy định bà Đ có trách nhiệm đóng cho nhà nước". Mặt khác, bà Đ là người giữ bảng đề nghị về việc tạm cấp đất cho cán bộ - công nhân viên trong nội ô thị trấn ngày 07 tháng 9 năm 1996 (bản chính), đơn xin đất cất nhà ngày 25 tháng 8 năm 1987 (bản chính), chứng M nhân dân của ông C và bà N (bản phô tô), sổ hộ khẩu gia đình của ông C (bản phô tô). Trong khi ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc ông C đã có thời gian đóng thuế đối với thửa đất số 153 và không còn giữ các giấy tờ trên. Việc ông C cho rằng vào năm 1996, ông C bị bệnh thần kinh tọa, khi nhớ khi quên nên ông C không biết viết cho ai viết để làm gì. Tuy nhiên, ông C xác định tại thời điểm năm 1996, ông C không bị bệnh tâm thần dẫn đến việc không nhận thức hoặc làm chủ được hành vi. Tại thời điểm này ông C khẳng định ông C không bị cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự hay bị mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khi thì ông C cho rằng không có mua bán đất gì với vợ chồng ông M bà Đ; khi thì cho rằng bà Đ có ý định mua đất của ông C; khi thì cho rằng không có giao giấy tờ gì cho bà Đ giữ; khi thì cho rằng có giao bản chính tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 cho bà Đ giữ để làm thủ tục sang nhượng đất; khi thì cho rằng vào năm 2000 nước lũ rất lớn, nhà ông C bị ngập tới nốc bị nước lũ cuốn trôi bị mất hết giấy tờ, khi thì cho rằng chỉ bị mất giấy tờ liên quan đến thửa đất số 153 được bỏ trong bọc mủ cột bằng dây thun, còn lại một số giấy tờ là các biên nhận do ông C tự viết để trong cái rương bằng gỗ thì không bị mất là mâu thuẫn nhau. Trong giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996, tuy có ghi sai họ Trần thành họ Nguyễn đối với bà N, thiếu chữ "thị" đối với bà Đ và ghi chị M trong biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 nhưng chứng tỏ rằng biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996, tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 có mối liên hệ mật thiết với nhau. Việc ông C cho rằng chị M trong biên nhận ngày 18 tháng 02 không phải là bà Tạ Thị Thanh Đ trong vụ án này, nhưng ông C cũng không xác định được chị M là ai. Trong biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 có nội dung "Tôi trần Văn C có mượn chị M (số tiền là 10.000.000đ mười triệu đồng)" vì chồng bà Đ tên Nguyễn Xuân M, vợ chồng ông M bà Đ là người miền bắc nên theo phong tục tập quán thì người dân thường gọi tên người vợ theo tên của người chồng nên chị M trong biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 chính là bà Đ trong vụ án này là hoàn toàn hợp lý. Việc bà N cho rằng không biết gì về các biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996, tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 và không có nhận 65 chỉ vàng 24 kara, 10.000.000 đồng của vợ chồng ông M bà Đ là không hợp lý vì các giao dịch đều diễn ra theo một trình tự lôgic về mặt thời gian và có mối liên quan mật thiết với nhau. Mặt khác, theo công văn số

73/PTCKH ngày 29 tháng 5 năm 2017 của phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã K cung cấp giá vàng nhẫn 24 kara vàng 99,99 % tại thị trường tỉnh Long An thời điểm tháng 7 năm 1996 là 520.300 đồng/chỉ là hòan toàn phù hợp với lời trình bày của bà Đ về giá trị 01 chỉ vàng 24 kara vào năm 1996 là khoảng 500.000 đồng. Do đó, số vàng 65 chỉ vàng 24 kara, 10.000.000 đồng tại thời điểm năm 1996 là có giá trị lớn và phù hợp với lời trình bày của bà Đ về việc bà N có tham gia vào các giao dịch này. Trong thực tế khó có thể có sự trùng hợp, ông C bị mất giấy tờ, bà Đ lại là người nhặt được các loại giấy tờ liên quan đến vụ án này là của ông C mà không phải là các giấy tờ khác không liên quan gì đến vụ án này. Ông C cho rằng năm 2000, bị mất giấy tờ do lũ cuốn trôi nhưng các giấy tờ bà Đ cung cấp cho Tòa án không hề có dấu hiệu bị nhòe do bị rớt xuống nước mà chỉ cũ, mờ hơn theo thời gian. Tuy bà N cho rằng không biết gì, không có nhận vàng, tiền của vợ chồng ông M bà Đ nhưng vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ theo các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Biên nhận ngày 18 tháng 02 năm 1996 do ông C không ghi rõ thời hạn trả nợ. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cần không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ mà cần phải chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ là buộc ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông M bà Đ 65 chỉ vàng 24 kara và số tiền gốc, lãi tổng cộng 29.707.500 đồng là có căn cứ phù hợp với các Điều 298, 305, 471, 474, 476, 477, 697 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Về sự vắng mặt của những người làm chứng là bà M, ông T, ông H tại phiên tòa: Bà M, ông T, ông H đã có lời khai trực tiếp và đã gửi lời khai cho Tòa án. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người làm chứng trên không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T, ông H là phù hợp theo Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M bà Đ được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C và bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 65 chỉ vàng 24 karar (ước tính 65 chỉ vàng 24 kara x 3.500.000 đồng/chỉ = 227.500.000 đồng) và số tiền 29.707.500 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Nhưng ông C, bà N có đơn xin miễn án phí vì ông C năm nay đã 64 tuổi và bà N năm nay đã 67 tuổi, ông C và bà N là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi. Xét đơn đề nghị miễn án phí của ông C và bà N là hợp lệ, được quy định tại các Điều 12, 14, 15, 48 của Nghị quyết này, nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và đề nghị của ông C và bà N là miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông C và bà N. Vợ chồng ông M bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 305, 471, 474, 476, 477, 697 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 3, 6, 12, 14, 15, 24, 26, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân M bà Tạ Thị Thanh Đ đối với ông Trần Văn C và bà Trần Mỹ N, cụ thể như sau:

1.1 Hủy tờ hợp đồng sang đất ở ngày 10 tháng 7 năm 1996 giữa bà Tạ Thị Thanh Đ với ông Trần Văn C, giấy cam kết ngày 01 tháng 10 năm 1996 giữa ông Nguyễn Xuân M với ông Trần Văn C.

1.2 Buộc ông Trần Văn C và bà Trần Mỹ N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân M bà Tạ Thị Thanh Đ 65 (sáu mươi lăm) chỉ vàng 24 kara và số tiền 29.707.500 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

Đối với vàng thì việc thi hành án là thi hành bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo thời giá tại thời điểm thanh toán.

Đối với tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí của vụ án là 12.860.000 đồng (mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Miễn toàn bộ 12.860.000 đồng (mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn C và bà Trần Mỹ N.

2.2. Vợ chồng ông Nguyễn Xuân M bà Tạ Thị Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân M bà Tạ Thị Thanh Đ 6.136.000 đồng (sáu triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006284 ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu